

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CĐ-CK4**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2010185	Nguyễn Xuân	An		9	10					10	8	8,9
2	14D2010026	Huỳnh Thiên	Ân		6	6					7	7	6,8
3	14D2010030	Thiên Bá Love	Boy		0	0					0	0	0,0
4	14D2010034	Trương Ngọc	Dũng		7	8					7	9	8,1
5	14D2010042	Nguyễn Lương	Đức		6	7					7	7	6,9
6	14D2010046	Nguyễn Văn	Hải		7	8					10	5	7,0
7	14D2010050	Lê Phúc	Hậu		9	10					10	8	8,9
8	14D2010176	Nguyễn Tấn	Hiệp		0	0					0	0	0,0
9	14D2010054	Trần Huy	Hiệp		7	8					9	6	7,2
10	14D2010058	Trương Minh	Hiếu		7	8					9	8	8,2
11	14D2010062	Phan Trường	Học		8	10					10	9	9,3
12	14D2010066	Đoàn Văn	Hướng		6	8					7	8	7,5
13	14D2010070	Nguyễn Đức	Huy		8	7					9	7	7,7
14	14D2010074	Phạm Quốc	Khánh		6	9					9	5	6,7
15	14D2010177	Phan Sỹ	Lâm		8	8					6	5	5,9
16	14D2010184	Phạm Thế	Lộc		8	8					10	7	8,1
17	14D2010086	Võ Văn	Lớn		6	7					7	8	7,4
18	14D2010090	Lại Tiến	Minh		0	0					0	0	0,0
19	14D2010094	Trần Minh	Nghị		7	6					8	7	7,2
20	14D2010181	Trần Ngọc	Ngọc		7	10					10	8	8,7
21	14D2010098	Đỗ Hoàng	Nhân		7	8					7	8	7,6
22	14D2010102	Nguyễn Vĩnh	Nhu		7	7					7	6	6,5
23	14D2010106	Võ Minh	Phát		8	7					6	8	7,3
24	14D2010114	Phan Tấn	Quang		7	8					9	7	7,7
25	14D2010118	Trần Văn	Quý		8	10					10	7	8,3
26	14D2010121	Đặng Hoàng	Sơn		7	6					8	6	6,7
27	14D2010180	Hồ Phạm Hoàng	Tâm		0	0					6	6	4,8
28	14D2010188	Lý Minh	Tâm		8	7					10	0	4,5
29	14D2010124	Dương Công	Thắng		7	5					5	5	5,2
30	14D2010127	Lê Đình	Thành		7	7					9	9	8,6
31	14D2010133	Nguyễn Đức	Thiên		7	6					9	0	4,0
32	14D2010183	Nguyễn Đức	Thịnh		5	8					10	5	6,8
33	14D2010136	Đặng Minh	Thông		9	6					9	7	7,7
34	14D2010139	Lê Hiệp	Thuận		8	8					9	9	8,8
35	14D2010142	Đàm Quốc	Tiến		0	0					0	0	0,0
36	14D2010145	Nguyễn Long	Tín		9	8					10	10	9,7
37	14D2010148	Trần Minh	Toàn		8	8					10	9	9,1
38	14D2010151	Đỗ Hải	Triều		5	5					9	6	6,7
39	14D2010157	Mai Thanh	Trung		8	8					10	9	9,1
40	14D2010182	Võ Anh	Tú		0	0					5	5	4,0
41	14D2010163	Nguyễn Bá Anh	Tuấn		7	5					8	8	7,6
42	14D2010169	Nguyễn Hữu	Vinh		7	6					7	7	6,9
43	14D2010172	Nguyễn Chí	Vũ		9	8					10	9	9,2
44	14D2010175	Mai Lam	Vỹ		8	7					10	9	9,0

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 44 SV

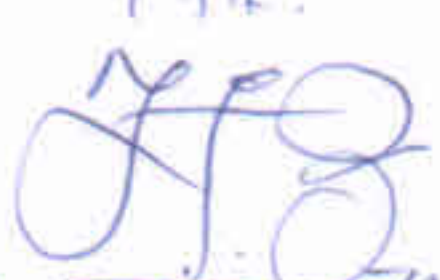
Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 11 SV	(25%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 15 SV	(34.09%)	Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 40 SV (90.91%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 9 SV	(20.45%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 5 SV	(11.36%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 4 SV	(9.09%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 4 SV (9.09%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.

Nguyễn Tiến Dũng


Nguyễn Đức Thắng


Nguyễn Đức Tân